TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THANH HÓA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57 /2019/DS-PT
Ngày: 30/ 8 /2019.
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn thành.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy
Bà Lê Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2019/TLPT- DS ngày 15/ 7/2019 về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS - ST ngày 31/ 5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, bị kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 51/2019/QĐ - PT ngày 30/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐ-PT ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

1**.** ***Nguyên đơn***: Bà Hoàng Thị S - Sinh năm: 1963
Địa chỉ: Khu thị trấn Vĩnh L, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

2. ***Bị đơn:*** Bà Hoàng Thị Th - Sinh năm: 1954
Địa chỉ: thôn Tân Ph, xã Vĩnh Ph, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn***: Bà Lê Thị Ph- Công ty Luật hợp danh Hoàng Gia, thuộc đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan****:*

3.1. Bà Hoàng Thị X - Sinh năm 1945 ;Trú quán: thôn 6, xã Vĩnh Th, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Bà Hoàng Thị Ngh - Sinh năm 1946;Trú quán: thôn , xã Vĩnh Th, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Hoàng Thị B - Sinh năm1966;Trú quán: thôn , xã Vĩnh Th, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

3.4 Bà Hoàng Thị N - Sinh năm 1952; Trú quán: thôn , xã Vĩnh Th, huyện Vĩnh L, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Ông Hoàng văn H - Sinh năm 1955;Trú tại: tổ 1, phường Hồng H, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh.

Các đương sự không kháng cáo, đều có mặt tại phiên tòa.

Người kháng nghị : Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị S trình bày thì nội dung vụ án như sau: Cụ Hoàng Văn Kh , sinh năm 1913 (mất ngày 25/3/1993) và cụ Hoàng Thị X, sinh năm 1919 (mất ngày 16/5/2006). Khi mất hai cụ không để lại di chúc và sinh được bảy người con là: Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1945; Bà Hoàng Thị Ngh, sinh năm 1946; Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1954; ông Hoàng văn H, sinh năm 1955; bà Hoàng Thị N, sinh năm 1953; bà Hoàng Thị S, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Khi còn sống cụ Kh, cụ Xuyến tạo lập được một thửa đất tại thôn 4 xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1993 cụ Khuể mất, năm 2006 cụ X mất, trước khi mất hai cụ đã cho bà Hoàng Thị Th đứng ten chủ hộ kê khai toàn bộ diện tích đất mà hai cụ tạo dựng được.

Thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, diện tích 222m2 , theo bản đồ địa chính 2003 tại Thôn 4, xã Vĩnh thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Năm 1994 thửa đất đã được UBND huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ đứng tên Hoàng Thị Th. Tổng giá trị thửa đất theo biên bản định giá ngày 25/ 01/2019 là 657.153.000đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng). Hiện thửa đất đang do bà Th quản lý và sử dụng.

Bị đơn bà Hoàng Thị Th, người liên quan bà Hoàng Thị N đồng ý kiến trình bày: Xác định mối quan hệ gia đình, thời điểm cụ Kh, cụ X chết cũng như khối di sản cụ Kh, cụ X để lại là đúng, khi còn sống cụ Kh, cụ Xuyến tạo lập được một thửa đất tại thôn 4 xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc. Năm 1974 bà Th đi thanh niên xung phong về địa phương ở cùng bố, mẹ và chăm sóc các em. Năm 1982 bà đi làm công nhân đến năm 1986 về nhà và đi lấy chồng tại thôn Tân Phúc, xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc. Năm 1987 bà Th quay về sống chung cùng bố mẹ, năm 1988 bà Th đã được cụ Kh, cụ X cho toàn bộ diện tích đất ở và đất canh tác. Năm 1992 Nhà nước có chủ trương cấp đất cho các hộ gia đình, bà Th đi kê khai, đo đạc đất đai của bố, mẹ và có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì tuổi cao nên bố mẹ bà Th đã cho bà Th đứng tên chủ hộ để kê khai làn thủ tục cấp GCNQSDĐ. Năm 1994 nhà nước đã cấp GCNQSDĐ mang tên bà là Hoàng Thị Th. Năm 2002 Nhà nước đã đổi cấp lại GCNQSDĐ thửa số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh vẫn mang tên bà Th.

Năm 1998 bà Hoàng Thị Th đã đứng tên ký giấy tờ chuyển nhượng 97 m^2 đất ở cho ông Trần Văn H và bà Th là người nộp tiền thuế đất cho Nhà nước. Sau khi cụ Hoàng Thị X mất bà và con mới trở về xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc sống với chồng cho đến nay, tuy nhiên bà Th vẫn là người trông coi quản lý nhà và đất được nhà nước giao.

Về ngôi nhà xây mái bằng có diện tích 48m^2 là do năm 2004 Nhà nước làm đường 217 đã thu hồi đất nhà bà và được bồi thường số tiền 24.000.000 đồng(hai mươi bốn triệu đồng), để xây dựng ngôi nhà trên. Bà Th khẳng định đất do cụ Kh, cụ X tạo dựng nên nhưng đã cho bà toàn bộ từ năm 1988 (năm 1994 được cấp GCNQSDĐ), khi cho đất có các anh chị em đều biết.

Nay bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng văn H và bà Hoàng Thị B yêu cầu chia di sản của bố, mẹ là nhà và đất bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng văn H và bà Hoàng Thị B trình bày: Về mối quan hệ gia đình, thời điểm mất, cũng như khối tài sản các cụ để lại, các tài sản xây dựng trên đất như các đồng thừa kế trình bày trên là đúng.Có bố, mẹ là Cụ Hoàng Văn Kh và cụ X khi còn sống có tạo lập được một thửa đất tại thôn 4 xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc với diện tích là 319m^2. Năm 1993 cụ Kh mất, năm 2006 cụ X mất, khi mất hai cụ không để lại di chúc, cũng chưa cho ai quyền sử dụng thửa đất này, năm 2004 Nhà nước làm đường quốc lộ 217 bà Th được đền bù số tiền 24.000.000đ bà Th đã dùng số tiền này và ông H đóng góp thêm số tiền là 24.220.000đ, để làm ngôi nhà mái bằng có diện tích là 48m^2. Nay ông H đề nghị Tòa án trích tiền đóng góp làm nhà.

Việc bà Th trình bày đất đai và nhà đã được bố mẹ cho bà Th từ năm 1988 đến năm 1994 được cấp GCNQSDĐ là không đúng vì cụ Kh, cụ X mới cho bà Th đứng tên để làm GCNQSDĐ, không phải là cho đất, nếu cụ Kh, cụ X cho bà Th thì phải có giấy tờ chuyển nhượng, có xác nhận của chính quyền địa phương và các con của hai cụ phải biết. Nay các bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị B và ông Hoàng văn H yêu cầu chia thừa kế là nhà và đất theo quy định của pháp luật.

Theo giấy xác nhận của ông Hoàng Văn H (nguyên là trưởng thôn 4, xã Vĩnh Thịnh) trình bày từ năm 1992 đến năm 2002 ông H làm trưởng thôn 4, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc. Năm 1992 ông có dẫn đoàn đo đạc đi đến các hộ dân đo đất đai để cấp GCNQSDĐ, vào thời gian năm 1992 ông H đưa đoàn đo, đạc đến gia đình cụ Kh. Cụ Kh và cụ X đã thông nhất cho bà Hoàng Thị Th làm chủ hộ đứng ra kê khai làm thủ tục đất đai, xong cụ Kh, cụ X có chuyền nhượng đất đai cho bà Th hay không thì ông không biết. Năm 1994 bà Th được cấp GCNQSDĐ, năm 2002 Nhà nước có chủ trương đổi giấy CNQSDĐ vẫn tên bà Th, từ đó đến nay bà Th là người đóng tiền thuế đất cho Nhà nước.

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản trả lời với nội dung đất đai của bà Hoàng Thị Th như sau:

- Về nguồn gốc đất: là do cụ Hoàng Văn kh và cụ Hoàng Thị X tạo dựng.

- Năm 1994 thực hiện chủ trương cấp giấy CNQSDĐ lần đầu cho hộ gia đình, khi đó bà Th đang ở cùng với mẹ là Hoàng Thị X trên thửa đất 459.Việc cấp giấy lần đầu là do chủ hộ tự kê khai vào đơn xin cấp giấy CNQSDĐ và đã được xác nhận của chính quyền địa phương, sau khi nộp hố sơ lên huyện qua phòng tài nguyên và môi trường tham gia ý kiến và đề nghị ủy ban nhân dân huyện công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.Việc kê khai đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật. Hiên nay hồ sơ cấp CNQSDĐ đã bị thất lạc nên không còn.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là phân chia tài sản thừa kế, bị đơn không có yêu

cầu phản tố. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc có Quyết định đưa vụ án ra xét xử (số 01 ngày 26/02/2019) ngày 14/3/2019 ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị B có đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ thửa số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh mang tên bà Hoàng Thị Th.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS- ST ngày 31/ 5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 47 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Hoàng Thị S đối với di sản của cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X để lại.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng văn H và bà Hoàng Thị B đối với di sản của cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X để lại.

- Bác yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh của ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị B.

- Xác định cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X để lại di sản thừa kế gồm:

- Thửa đất số 459, tờ bản đồ số15 bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 222m2, trị giá 590.558.000đ (năm trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng);

- Ngôi nhà mái bằng có diện tích 48m2 có giá trị là: 66. 595.000đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tổng giá trị tài sản hai cụ Hoàng Văn Kh và Hoàng Thị X để lại là 657.153.000đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Giao cho ông Hoàng Văn H sử dụng diện tích đất 126,660m2 (Trong đó có 116,660 m2 đất ở và 12m2 đất vườn), có sơ đồ kèm theo. Ông Hoàng Văn H có trách nhiệm bù chia cho bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị B mỗi người số tiền là 73.178.000đ (Bảy mươi ba triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) và giao toàn bộ ngôi nhà mái bằng có diện tích 48m2, cho ông Hoàng Văn H sở hữu.

Giao cho bà Hoàng Thị Th sử dụng toàn bộ phần đất còn lại có diện tích đất là 95,340m2 (Trong đó có 85,340 m2 đất ở và 10m2 đất vườn), có sơ đồ kèm theo. Bà Hoàng Thị Th có trách nhiệm bù chia cho bà Hoàng Thị N số tiền đất là 67.178.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên các đương sự phải chịu án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận được kháng nghị số 07/QĐKNPT-VKS-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với bản án số 21/2019/DS- ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân huyện Vĩnh Lộc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định kháng nghị, đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các căn cứ như sau:

- Nguồn gốc thửa đất của Cụ Kh, cụ X để lại. Nhưng năm 1994 thửa đất trên đã đất được UBND huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ đứng tên Hoàng Thị Th nghĩa là Nhà nước công nhận quyền sở hữu thửa đất trên cho bà Th. Đến thời điểm này giấy CNQSD đất cấp cho bà Th vẫn có giá trị do chưa bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND huyện Vĩnh Lộc có quyết định thu hồi hay hủy bỏ hoặc cũng chưa có phán quyết nào của Tòa án có thẩm quyền xem xét việc cấp giấy CNQSD đất cho bà Th đúng hay sai. Như vậy chưa đủ cơ sở để xác định tài sản có thuộc quyền sở hữu của người để lại di sản hay không. Nhưng cấy sơ thẩm xác định là di sản thừa kế và chia cho các thừa kế .

- Người liên quan ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị B có đơn đề nghị hủy GCNQSD đất mang tên bà Hoàng Thị Th sau ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử là trái quy định tại Điều 201 của Bộ luật TTDS nên không được chấp nhận. Quyết định " Bác yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 459 tờ bản đồ số 15 địa chính xã Vĩnh Thịnh của ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị B".

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Hoàng Thị Th giữ nguyên yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B giữ nguyên yêu cầu độc lập và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm với những nội dung như sau: Khi còn sống cụ Kh, cụ X tạo lập được một thửa đất tại thôn 4 xã Vĩnh Thịnh. Năm 1992 nhà nước có đến đo đạc đất đai của bố, mẹ bà Th để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất canh tác, vì tuổi cao nên bố mẹ bà Th đã cho bà Th đứng tên chủ hộ để kê khai làn thủ tục cấp GCNQSDĐ. Khi cho bà Th đất đai cụ Kh, cụ X chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Năm 1994 nhà nước đã cấp GCNQSDĐ mang tên bà là Hoàng Thị Th. Năm 2002 Nhà nước đã đổi cấp lại GCNQSDĐ thửa số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh vẫn mang tên bà Th.Trong quá trình sử dụng đất năm 1998 bà Th đã đứng tên ký giấy tờ chuyển nhượng 97 m2 đất cho ông Trần Văn H, từ năm 1994 đến nay bà là người nộp tiền thuế đất cho Nhà nước. Sau khi cụ Hoàng Thị X mất năm 2006, năm 2007 bà và con mới trở về xã Vĩnh Phúc sống với chồng từ đó đến nay, tuy nhiên bà Th vẫn là người trông coi quản lý nhà và đất được nhà nước giao.

Về ngôi nhà mái bằng là do sau khi được bố mẹ cho đất từ năm 1988. Năm 2004 Nhà nước làm đường 217 qua đất nhà bà nên đã giải phóng mặt bằng , Nhà nước đã đền bù cho bà số tiền 24.000. 000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), bà đã dùng số tiền này làm nên ngôi nhà mái bằng có diện tích 48m2. Hiện nay bà đang sử dụng toàn bộ thửa đất còn lại là 222m2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật TTDS, xử hủy bản án bản án sơ thẩm án số 21/2019/DS- ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định chia di sản thừa kế (nhà và đất) của cụ Kh, cụ X cho bà Hoàng Thị X, Hoàng Thị N, Hoàng Thị B, Hoàng Thị Ngh, Hoàng Văn H là không chính xác bởi lẽ: Nguồn gốc thửa đất là của cụ Kh, cụ X để lại. Nhưng năm 1994 bà Hoàng Thị Th đã được UBND huyện Vĩnh Lộc cấp giấy CNQSD đất cho bà Th. Như vậy chưa đủ cơ sở để xác định tài sản có thuộc quyền sở hữu của người để lại di sản hay không.

Hội đông xét xử thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai thừa nhận của các đương sự thì việc cho quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất) thửa số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc mang tên bà Hoàng Thị Th.

- Nguần gốc thửa đất là của Cụ Kh, cụ X để lại. Từ năm 1974 đến năm 1986 bà Th ở cùng bố, mẹ và nuôi các em, sau đó bà đi lấy chồng đến 1987 bà Th quay về sống chung cùng bố mẹ. Năm 1994 bố mẹ bà là cụ Kh, cụ X cho bà Th toàn bộ diện tích đất nhưng chỉ nói bằng miệng không có người làm chứng và không có giấy tờ chuyển nhượng hoặc các giấy khác theo quy định luật đất đai, các anh chị em sau này mới biết. Bà Th là chủ hộ đứng ra để kê khai làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Năm 1994 Nhà nước đã cấp GCNQSDĐ mang tên bà Hoàng Thị Th. Năm 2002 Nhà nước đã đổi cấp lại GCNQSDĐ vẫn mang tên bàTh.

- Xét về việc chuyển nhượng đất từ cụ Kh, cụ X cho bà Th thấy: Năm 1992 cụ Kh và cụ X nói cho bà Th đứng tên chủ hộ để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ trong khi cụ Kh, cụ X sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn không bị lừa dối, đe dọa. Năm 1993 cụ Kh mất, đến năm 2006 cụ X mới mất, Theo quy định của pháp luật (pháp lệnh thừa kế năm 1990, Bộ luật dân sự năm 2005) thì "Sau 03 tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người lập di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ". Nên việc cụ Kh và cụ X cho bà Hoàng Thị Th đất đai không có giấy tờ sang tên là không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông Hoàng Văn H cũng trình bày, năm 1992 cụ Kh và cụ X cho bà Hoàng Thị Th đứng tên chủ hộ trong gia đình nên đã được kê khai đứng tên trong sổ đỏ và trực tiếp đóng thuế đất. Bà Hoàng Thị Th không đưa ra tài liệu chứng cứ gì về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tài sản gắn liền với đất) với cụ Kh, cụ X.

Do vậy, xác định thửa đất số 459 tờ bản đồ số 15 bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh là tài sản của cụ Kh và cụ X, không phải là tài sản của bà Hoàng Thị

Th, bà Th chỉ là người được bố mẹ cho đứng tên chủ hộ còn thực tế đây vẫn là tài sản của cụ Kh và cụ X chưa chuyển nhượng QSDĐ cho bà Th**.**

- Các đương sự đều thống nhất tài sản đất (tài sản gắn liền trên đất nhà) có trị giá là 657.153.000đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Về khoản ông H yêu cầu được trích tiền đóng góp làm nhà. Xét thấy, ông H đóng góp số tiền 24.220.000đ để làm nhà trong tổng số tiền 48.420.000đ, đây là tài sản riêng của ông H. Ông H yêu cầu được trích tiền đóng góp là có cơ sở để chấp nhận.

- Về công sức chăm sóc bố mẹ già và công sức duy trì quản lý tài sản cùa bà Hoàng Thị Th. Xét thấy, theo quy định của pháp luật, bà Th được trích một phần công sức trong khối di sản mà cụ Kh và cụ X để lại có diện tích đất là 45,340 m2 là phù hợp**.**

* Về phân chia di sản thừa kế là đất, nhà như sau:

- Chia cho bà Hoàng Thị X 25m2 (trong đó 23m2 đất ở và 02m2 đất vườn), trị giá 73.178.000đ

- Chia cho bà Hoàng Thị Ngh 25m2 (trong đó 23m2 đất ở và 02m2 đất vườn), trị giá 73.178.000đ

- Chia cho bà Hoàng Thị Th là 70m2 (trong đó 60, 340m2 đất ở và 10m2 đất vườn), trị giá 182.842.000đ.

- Chia cho bà Hoàng Thị N 25m2 (trong đó 23m2 đất ở và 02m2 đất vườn), trị giá 73.178.000đ

- Chia cho bà Hoàng Thị S 25m2(trong đó 23m2 đất ở và 02m2 đất vườn), trị giá 73.178.000đ

- Chia cho bà Hoàng Thị B 25m2 (trong đó 23m2 đất ở và 02m2 đất vườn) trị giá 73.178.000đ

.- Chia cho ông Hoàng văn H 26,660m2 (trong đó 24,660m2 đất ở và 02m2 đất vườn) trị giá là 71.826.000đ là phù hợp.

- Do chia theo phần, diện tích đất của mỗi người sẽ không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ, bàTh có nguyện vọng được chia một phần đất để làm nhà ở. Giao cho bà diện tích đất được chia của bà Hoàng Thị N cho bà Th quản lý sử dụng với diện tích 95,340m2, trị giá 250.020.000đ . Bà Th có trách nhiệm trả tiền cho bà N số tiền là 67.178.000đ là phù hợp.

- Ông Hoàng Văn H là con trai duy nhất trong số bảy anh chị em, là người thờ phụng tổ tiên và bố, mẹ, nên giao toàn bộ ngôi nhà mái bằng trị giá 66.595.000đ tọa lạc trên phần đất được chia và diện tích đất được chia của bà Ngh, bà X, bà S và bà B là 126,660m2, trị giá là 340.538.000đ cho ông H quản lý sử dụng. Ông H có trách nhiệm trả tiền đất cho bà Ngh, bà X, bà S và bà B mỗi người là 67.178.000đ và tiền nhà cho các bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị B mỗi người số tiền là 6.000.000đ.

- Tông số tiền bà Hoàng Thị Th được thừa kế của bố mẹ là 188.842.000đ. Số tiền bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị S

và bà Hoàng Thị B được thừa kế của bố mẹ mỗi người là 73.178.000đ. số tiền ông Hoàng Văn H được thừa kế của bố mẹ là 102.421.000 đ.

- Về án phí: Bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị B mỗi người phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận theo quy định của pháp luật là 73.178.000đ x 5% = 3.658.900đ.

Bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng văn H và bà Hoàng Thị Th và bà Hoàng Thị N không phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận theo quy định của pháp luật (Người trên 60 tuổi, đã có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm).

[2] Đối với giấy CNQSD đất cấp cho bà Hoàng Thị Th hiện đang đứng tên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại công văn số 64/TANDTC- PC ngày 03/4/2019,về việc thông báo két quả một số giải đáp vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hanh chính. Theo quy định tại điều 195 của luật đất đai thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận hoặc xác nhận nội dung biến động do chuyển quyền sử dụng đất do Chính phủ quy định. Tại Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chuyển quyền dựa trên cơ sở hồ sơ hợp đồng. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, nếu đủ điều kiện thực hiện các quyền theo quy định thì xác nhận nội dung biến động vào giấy chứng nhân đã cấp hoặc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực.

[3] Về yêu cầu hủy GCNQSD đất của ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị B sau ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử là trái quy định tại Điều 201 của Bộ luật TTDS, nên không được chấp nhận.

Hội đông xét xử thấy rằng: Về quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản, nhưng trong nhận định, phần quyết định bác yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 459, tờ bản đồ số 15, bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh của ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị B. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa kháng nghị là có căn cứ. Nhưng việc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, chỉ kéo dài gây mất thời gian và chi phí tố tụng. Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cần tuyên sữa bản án sơ thẩm số 21/2019/DS- ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Về án phí phúc thẩm, do sữa bản án sơ thẩm, các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 278, Điều 279 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015;Các Điều 618, Điều 623, 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sữa Bản án sơ thẩm số 21/2019/DS- ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Hoàng Thị S đối với tài sản của cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập về chia di sản thừa kế của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng văn H và bà Hoàng Thị B đối với tài sản của cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X.

3. Xác định cụ Hoàng Văn Kh và cụ Hoàng Thị X để lại di sản thừa kế gồm:

- Thửa đất số 459, tờ bản đồ số15 bản đồ địa chính xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 222m2, trị giá 590.558.000đ (năm trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng);

- Ngôi nhà mái bằng có diện tích 48m2 có giá trị là: 66. 595.000đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tổng giá trị tài sản hai cụ Hoàng Văn Kh và Hoàng Thị X để lại là 657.153.000đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Giao cho ông Hoàng Văn H sử dụng diện tích đất 126,660m2 (Trong đó có 116,660 m2 đất ở và 12m2 đất vườn), hướng Nam giáp đường 217 dài 9,3m, hướng Bắc giáp phần đất nhà ông K dài 9,3m, phía tây giáp phần đất nhà bà H dài 15,94m, phía đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị Th (có sơ đồ kèm theo). Ông Hoàng Văn H phải trả cho bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, bà Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị B mỗi người số tiền đất là 67.178.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng) Và giao toàn bộ ngôi nhà mái bằng có diện tích 48m2, trị giá 66.595.000đ cho ông Hoàng Văn H sở hữu. Ông H có trách nhiệm trả tiền nhà cho các bà Hoàng Thị X, Hoàng Thị Ngh, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị N, Hoàng Thị S và bà Hoàng Thị B mỗi người số tiền đất là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Giao cho bà Hoàng Thị Th sử dụng toàn bộ phần đất còn lại có diện tích đất là 95,340m2 (Trong đó có 85,340 m2 đất ở và 10m2 đất vườn) hướng Nam giáp đường 217, hướng Bắc giáp phần đất nhà ông K, phía tây giáp phần đất chia cho ông Hoàng Văn H, phía đông giáp phần đất cổng nhà ông K. Bà Hoàng Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị N số tiền đất là 67.178.000đ (Sáu mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Ranh giới đất được chia của bà Th và ông Hoàng Văn H được kéo thành một đường thẳng từ hướng Nam (Đường QL 217) sang hướng Bắc (Đất phía nhà ông K) Lấy phía nhà bà H làm chuẩn mỗi cạnh dài 9,3m (có sơ đồ kèm theo)

Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Hoàng Thị Th, ông Hoàng Văn H liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án nếu bên phải thi hành không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị S phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 3.658.900đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.295.000đ theo biên lai số AA/2013/02780 ngày 16/10/2018 của Chi cục thi hành án huyện Vĩnh Lộc. Bà Hoàng Thị S còn phải nộp tiếp số tiền là 2.363.900đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn chìn trăm đồng). Bà Hoàng Thị B phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật là 3.658.900đ,

Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị X, bà Hoàng Thị Ngh, ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị Th không phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật (Người trên 60 tuổi).

-Án phí dân sự phuc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Vĩnh Lôc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc
- Các đương sự;
- Lưu hs,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Quách Văn Th